

吳鳳科技大學新南向產學合作國際專班學生校外實習實施要點

Những điểm quan trọng chương trình thực tập ngoài trường dành cho sinh viên lớp Hợp tác Quốc tế chuyên môn Đại học Công nghiệp Tân Hướng Nam của đại học Khoa học và công nghệ Wufeng

108年04月17日行政會議訂定 Ban hành bởi Hội đồng điều hành vào ngày 17 tháng 4 năm 2019

112年03月06日行政會議修正 Ban hành bởi Hội đồng điều hành và đã có điều chỉnh vào ngày 6 tháng 3 năm 2023

- 一、吳鳳科技大學（下稱本校）為配合教育部新南向政策，辦理「新南向產學合作國際專班」（下稱本專班），培養本專班學生所需技術實作能力，落實實務教學與職場倫理，推動校外實習，特依據教育部「補助技專校院辦理產學合作國際專班申請及審查作業要點」、「新南向產學合作國際專班學生實習及工讀規範」及「吳鳳科技大學學生校外實習課程實施要點」，訂定「吳鳳科技大學新南向產學合作國際專班學生校外實習實施要點」（下稱本要點）。

Đề phối hợp vs chính sách Tân Hướng Nam của bộ giáo giuc trường đại học Khoa học và Công nghệ Wufeng (sau đây sẽ gọi là nhà trường), đã mở ra “lớp Hợp tác Quốc tế chuyên môn Đại học Công nghiệp Tân Hướng Nam” (sau đây gọi là lớp chuyên), bồi dưỡng sinh viên trong lớp chuyên năng lực kỹ thuật thực tiễn, Thực hiện giảng dạy thực tế và luận lí, thúc đẩy việc thực tập ngoài trường, theo bộ giáo dục “Những điểm chính về việc hỗ trợ cho lớp chuyên khoa quốc tế và thực hiện hợp tác đăng ký và thẩm tra tác nghiệp”, “sinh viên thực tập lớp Tân Hướng Nam hợp tác công nghệ quốc tế chuyên môn và vừa học vừa làm” và “Những điểm chính của các khóa thực tập ngoài trường của sinh viên đại học Khoa học và Công nghệ Wufeng”. chỉ định “Những điểm chính việc thực hiện các chương trình thực tập ngoài trường dành cho sinh viên Hợp tác Đại học Công nghiệp Tân Hướng Nam của đại học Khoa học và công nghệ wufeng” (sau đây gọi là trọng điểm)

- 二、本專班校外實習課程架構
cơ cấu khóa học của lớp thực tập ngoài trường chuyên môn

- （一）辦理四年制學士班之專班，其校外實習應自大二起始得推動；但非自大二起得逕規劃高比例天數或時數之校外實習課程。二年制專班則自二年級下學期起始得開設校外實習課程。另仍需兼顧理論課程教學所需，每週安排一定天數在校上課，且以於週一至週五日間排課為限。

Mở lớp 4 năm đại học chuyên môn, thực tập ngoài trường sẽ được thúc đẩy từ năm thứ hai; Nhưng không vì vậy từ năm thứ hai vượt quá quy hoạch số ngày và số giờ của khóa học thực tập ngoài trường, lớp 2 năm đại học từ học kì 2 của năm 2 sẽ bắt đầu các khóa học tập ngoài trường. Ngoài ra cần cân phải lên đủ khóa học tiết học giảng dạy bắt buộc, mỗi tuần sắp xếp số ngày nhất định lên lớp tại trường, và tuân theo thời khóa biểu từ thứ hai đến thứ sáu.

- （二）本專班實習課程，須符合每學分每學期 18 週，1 學分至多 80 小時實習之規範。專班所進行校外實習學分數上限，參酌「產學攜手專班」現行規劃，分別為四年制學士班至多 36 學分；二年制學士班至多 20 學分；二年制副學士班至多 22 學分。

khóa học thực tập của lớp chuyên ban này, cần phù hợp mỗi số tiết trong tuần

mỗi học kì 18 tuần, định mức số tiết thực tập trong tuần nhiều nhất 80 giờ. Phân biệt số tiết trong tuần của 4 năm đại học nhiều nhất là 36 giờ, 2 năm đại học nhiều nhất là 20 giờ, 2 năm liên thông đại học nhiều nhất 22 giờ mỗi tuần.

- (三) 本專班實習課程除以校外實習方式推動之外，必要時應提供學生可替代校外實習之校內實習。

khóa học thực tập của lớp chuyên ban ngoài việc thúc đẩy thực tập ngoài trường, Nếu cần thiết, cung cấp thực tập trong khuôn viên trường mà sinh viên có thể thay thế cho thực tập ngoài trường.

- (四) 校外實習係為課程，學生因故無法完成單一學期校外實習課程，本校應設立轉銜機制（如返校進行校內實作課程，輔導考技術士證），不得逕以此理由要求學生於當學期退學。惟學生學習異常情形如累積達學則所定休退學之情形，則依規定辦理。

vì khóa học sở thực tập ngoài trường, sinh viên vì sự cố không thể hoàn thành một học kỳ khóa học thực tập ngoài trường, nhà trường cần thiết lập phương án chuyển đề cơ chế (Nếu bạn quay trở lại trường để tham gia khóa học thực tế tại trường, sẽ được tư vấn chứng chỉ kỹ thuật viên), không thể dùng lí do yêu cầu sinh viên vì học kì đó mà thôi học, tuy nhiên nếu tình hình học tập của sinh viên không theo bình thường tích lũy vi phạm quy tắt nhà trường sẽ bị đình chỉ học tập, theo quy định được ban hành.

- (五) 自 108 學年度新核定開班者，專班之校外實習課程學分數分配比例調整為校外實習必修學分至多為二分之一，其餘為選修學分；不得強制學生修讀選修之校外實習課程。

Năm học 2019 khởi đầu mới được phê duyệt, khóa học thực tập ngoài trường chuyên môn số giờ mỗi tuần phân phối tỷ lệ điều chỉnh tối đa là $\frac{1}{2}$ số giờ mỗi tuần thực tập ngoài trường, phần còn lại là số giờ tự chọn, không bắt buộc sinh viên bắt buộc phải tham gia Các khóa thực tập tự chọn ngoài trường.

- (六) 本專班整體課程架構安排須確保學生若不修習選修實習課程也可藉由修習其他選修課程取得足夠畢業學分。

Cấu trúc chương trình giảng dạy tổng thể của lớp chuyên môn này phải đảm bảo rằng sinh viên nếu không tham gia thực tập có thể tham gia các khóa thực tập tự chọn khác để đạt đủ điểm có thể tốt nghiệp.

三、實習機構與實習機會安排

cơ cấu thực tập và sắp xếp cơ hội đi thực tập

- (一) 學生應至本專班計畫核定之實習機構進行校外實習課程。校外實習廠商如須增加或更換，應於校外實習課程開始前 2 個月前函報教育部同意後始得辦理。

Học sinh nên tuân theo khóa học lớp chuyên môn và thực tập đã được quy hoạch. Nếu đến công ty thực tập có dự định muốn thêm hoặc thay đổi thì phải trước 2 tháng thực tập phải báo cho bộ giáo dục và được đồng ý mới được xử lý.

- (二) 各學術單位應針對實習機構所提供之「訓練環境(含住宿安全)」、「訓練安全性」、「訓練專業性」、「體力負荷」、「培訓計畫」、「合作理念」進行評估。其中「訓練環境(含住宿安全)」、「訓練安全性」等指標，即針對實習機構安全進行評估，相關資料應經系、院級學生校外實習委員會議討論通過，以利實習學生安全之維護。

Các đơn vị học thuật phải dựa vào cơ cấu thực tập mà đã được đề ra “ Hoàn

cảnh hiểm nguy huấn luyện (bao gồm huấn luyện an toàn kỹ túc xá), (huấn luyện tính an toàn), (huấn luyện thể lực), (quy hoạch bồi huấn), (lý niệm hợp tác) đều được tiến hành đánh giá. Ngoài ra (huấn luyện hoàn cảnh hiểm nguy (gồm kỹ túc xá), (huấn luyện tính an toàn) các chuyên mục, được đánh giá theo cơ cấu thực tập an toàn, các thông tin liên quan hệ, nhà trường và học sinh thực tập ngoài đều được ủy thác từ các cơ quan ủy viên thảo luận và thông qua để mang lại tính an toàn cao cho học sinh.

- (三) 各學術單位應辦理「實習說明會」, 公布詳細之實習機會, 包含企業名稱、地點、津貼、實習內容(含課程規劃)、交通與膳宿狀況等, 供學生選擇實習機會參考, 並協助學生進行實習媒合。

Các đơn vị nên tiến hành (hội thảo thực tập), công bố tường tình cơ hội thực tập, bao gồm tên doanh nghiệp công ty, địa điểm, nội dung thực tập (gồm quy hoạch khóa học), phương tiện và chỗ ở hiện trạng, cùng học sinh tham khảo và lựa chọn cơ hội đi thực tập, hỗ trợ và tiến hành trợ giúp học sinh.

四、實習合約簽訂

hợp đồng thực tập và ký kết

- (一) 每學期每生須有個別實習合約, 且每一份「學生校外實習合約書」立合約書人同時含學校、學生與廠商, 必須明確敘明實習課程規劃(含課程及相對應能力培育目標)與學分數, 且實習課程規劃應符合該院、系、科、學位學程之專業發展及教學目標。

Mỗi học kỳ mỗi sinh viên phải có một hợp đồng thực tập riêng, và mỗi một phần “Hợp đồng sinh viên thực tập ngoài trường” người đứng hợp đồng bao gồm nhà trường, sinh viên và công ty, phải mô tả rõ ràng kế hoạch chương trình thực tập (Bao gồm các khóa học và khả năng tương ứng mục tiêu phát triển) và số giờ mỗi tuần, và kế hoạch chương trình thực tập cần đáp ứng mục tiêu giảng dạy và phát triển chuyên môn của nhà trường, ngành, khoa, bằng cấp.

- (二) 學校、學生與實習機構的三方實習合約內容, 經各學術單位、實習機構及學生協議完成後, 進行三方簽約程序, 校方用印前, 由研究發展處進行覆核。

Hợp đồng ba bên nhà trường, học sinh và cơ quan thực tập, thông qua đơn vị giáo dục, cơ quan thực tập, học sinh sau khi thỏa thuận tiến hành của ba bên ký kết theo lưu trình, trước khi bên phía trường đồng ý sẽ do bên bộ phận nghiên cứu và khai thác tiến hành xem xét.

- (三) 倘若學生於同一廠商從事校外實習課程及工讀活動, 「學校、學生與實習機構三方實習合約」與「學生與廠商雙方工讀合約」必須明確區隔, 不得將工讀合約併入實習合約中。

Thường nếu học sinh công việc thực tập ngoài trường sẽ có các khóa học và công việc bán thời gian, (bản hợp đồng của nhà trường, học sinh và cơ quan thực tập của cả ba bên) và (bản hợp đồng của học sinh với công ty làm bán thời gian ký kết) cần phải minh bạch phân rõ, không được nhầm lẫn bản hợp đồng cơ quan thực tập và công ty làm bán thời gian.

五、學生校外實習津貼應直接匯入學生專屬帳戶

Trợ cấp thực tập ngoài trường của sinh viên nên được chuyển trực tiếp vào tài khoản độc quyền của sinh viên

- (一) 為確保學生校外實習權益，廠商應參照勞動基準法及其他法規規定，給予學生津貼。

Đảm bảo quyền lợi của sinh viên thực tập ngoài trường, công ty nên chiểu theo luật chuẩn của bộ lao động và các quy định pháp luật khác.

- (二) 廠商所提供實習津貼應與其他薪資（如工讀）分類入帳，不得逕以一筆薪資總數名義匯入學生帳戶。學生於同一廠商從事校外實習課程及工讀活動，每週總時數不得逾 40 小時。學生每日實習及工讀總時數不得超過 8 小時，且結束時間不得超過晚上 10 點。

Phụ cấp thực tập do công ty cung cấp nên được kết hợp với các mức lương khác (như việc làm thêm) phân chia chuyển khoản, không thể chuyển toàn bộ với danh nghĩa tổng tiền lương vào tài khoản sinh viên, Sinh viên tham gia các khóa thực tập ngoài trường và các hoạt động làm việc tại cùng một công ty, mỗi tuần không được vượt quá 40 giờ. Thời gian Học sinh mỗi ngày thực tập và làm ngoài giờ không được vượt quá 8 tiếng và thời gian làm việc kết thúc không được quá 10 giờ tối.

- (三) 嚴禁廠商有代扣代辦費或代扣學雜費之情形。

Nghiêm cấm tình hình các công ty khấu trừ phí thế nhận hoặc tạp phí trường học.

六、實習成效之評估及學分認定

đánh giá tiết học và điểm số khi thực tập

- (一) 學生校外實習課程結束之後，由各學術單位協同實習機構依據所屬性質及「學生個別實習計畫書」擬定之實習成效與教學評核方式，辦理實習成果考評作業，並經由教務處認可學生實習學分。

Sau khi kết thúc chương trình thực tập sẽ được bên phía các cơ quan đơn vị có quyền hạn dựa vào tính chất (đơn thông tin quá trình thực tập của học sinh) nghị định thực tập và các phương thức đánh giá hiệu quả thực tập và được phòng giáo vụ đánh giá điểm số thực tập học sinh

- (二) 各學術單位應每學期召開學生校外實習委員會議，針對前學期實習課程辦理情形，依據各項實習滿意度分析、實習學生就業、實習中止/轉介情形等，提出實習課程成效評估、改善策略、回饋課程修訂，以及建立合作機構的篩選機制（如不建議合作機構資料庫等）。

Mỗi học kỳ đều có cơ quan chiêu khai hội thảo thực tập của du học sinh, dựa vào khóa thực tập và xử lý tính hình, nhằm để cải thiện việc du học sinh kiếm được việc làm và thực tập sau này, ngưng thực tập/ chuyển hệ, sẽ được đề ra và đánh giá, cải thiện chính sách, (nếu không có sự kiện nghị thông tin hợp tác cơ quan)

七、實習生離退或轉介實習機構之輔導與處理原則

Cơ cấu tư vấn cho thực tập sinh rời hoặc thay đổi thực tập và nguyên tắc xử lý

- (一) 學生因實習機構或個人因素（含不適應），欲中止實習或轉換實習機構時，須先通知實習輔導教師及實習機構，經雙方了解學生感到不適應之狀況與原因，並鼓勵繼續參與實習工作，對輔導後仍無法繼續實習之學生，應填具「學生校外實習中止及轉介實習申請書」，並經實習輔導教師、系所主管及相關業管單位審核後，始可中止或轉介其他實習機構繼續實習。Sinh viên do cơ cấu thực tập hoặc yếu tố cá nhân, Khi bạn muốn đình chỉ thực tập hoặc thay đổi cơ cấu thực tập, trước tiên bạn phải thông báo cho giao viên

phụ đạo thực tập và cơ cấu tổ chức thực tập, cả hai bên đều hiểu tình hình và lý do khiến học sinh cảm thấy không thích ứng, và động viên sinh viên tiếp tục công việc thực tập, nếu sau khi đã tư vấn nhưng sinh viên vẫn không thể tiếp tục thực tập, nên điền “đơn xin hủy bỏ thực tập và thay đổi thực tập của sinh viên”, Sau khi được xem xét bởi các giáo viên thực tập, trưởng bộ phận và các đơn vị quản lý ngành có liên quan, thực tập, hỗ trợ có thể bị hủy bỏ việc tư vấn cơ quan thực tập tiếp theo để thực tập.

(二) 學生辦理實習機構轉介離開原實習機構後，所屬之學術單位應盡速協助媒合新實習機構，並經相關業管單位審核通過後，始得繼續實習。

Sau khi sinh viên được chuyển đến một tổ chức thực tập và rời khỏi tổ chức thực tập ban đầu, Các đơn vị học thuật trực thuộc nên hỗ trợ cơ quan thực tập mới càng sớm càng tốt, Sau khi được đơn vị quản lý ngành liên quan chấp thuận, sinh viên có thể tiếp tục thực tập.

(三) 實習期間轉換實習機構以乙次為原則，原實習機構實習時數得予以採計。Trong thời gian thực tập, nguyên tắc thay đổi cơ sở thực tập là hai lần, và giờ thực tập ban đầu có thể được tính tiếp.

(四) 學生於等待轉介實習機構期間或未能順利轉介實習機構時，由所屬學系安排參加轉銜機制（如：課堂學習、校內實習或準備專業證照考試等替代課程），未回校參加轉銜機制者以缺課論處，並依相關規定辦理。轉銜後學生成績可由實習機構及轉銜機制考核分數依時數加權計算之。

Nếu học sinh vẫn chưa nhận được tư vấn thực tập thì sẽ do bên phía hệ học sắp xếp tham gia cơ chế chuyển đổi (như : tiết học , thực tập bên trong trường hay chuẩn bị chuyên án thi chứng chỉ để có thể thay thế khóa học), nếu trong thời gian chuyển hệ mà không tham gia sẽ được tính là vắng tiết và có bên phía đơn vị nhà trường quy định xử lý , sau khi chuyển hệ sẽ được tính điểm dựa vào số điểm mà cơ quan thực tập xác nhận .

校外實習（必修）轉銜機制之替代課程，需經系、院、校課程委員會審議通過。

Thực tập ngoài trường (cần thiết)cơ chế chuyển tiếp theo để thay thế khóa học , cần phải thông qua hệ học , học viện , trường các khóa học của các cơ quan đơn vị giáo dục thông qua .

八、實習爭議申訴處理

những vấn đề giải quyết khi thực tập

學生參與校外實習，對於校外實習機構實習內容、管理措施或處理情形，認為實習權益受有損害者，得依本校學生校外實習課程實施要點第八點規定，向所屬學系提出申訴，並由所屬學系處理後，視情節轉送院級學生校外實習委員會議，以確保學生之實習權益。

Học sinh tham gia thực tập ngoài trường , đối với nội dung cơ quan thực tập ngoài trường , quản lý thực thi và xử lý , nhận định , quyền lợi thực tập và cũng như bị tổn thất đến quyền lợi cá thể thực tập sẽ được dựa vào quy định điều khoản 8 trong luật , học sinh cảm thấy bị tổn thất chi phí thiệt thòi quyền lợi sẽ được đề ra và báo cáo sẽ được cơ quan xử lý nhằm đảm bảo quyền lợi cho học sinh

九、本要點未盡事宜，依教育部「新南向產學合作國際專班學生實習及工讀規範」及「吳鳳科技大學學生校外實習課程實施要點」之規定辦理。

Các vấn đề không được đề cập trong phần trọng điểm này, theo bộ giáo dục “Chỉ định sinh viên thực tập và làm thêm lớp Hợp tác Quốc tế chuyên môn Đại học Công nghiệp

Tân Hướng Nam” và “Những điểm chính việc thực hiện các chương trình thực tập ngoài trường đại học Khoa học và Công nghệ wufeng” ban hành quy định.

十、本要點經行政會議通過，陳請校長核定後實施；修正時亦同。

Điểm này đã được Hội đồng chấp hành chấp thuận và trần tình hiệu trưởng thực hiện sau khi phê duyệt;